

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS - ST
Ngày: 06/01/2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thời; Ông Bùi Văn Thiệu.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2024/TLST-DS ngày 19/11/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐST - DS ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T2 trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S).**

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà G số E L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Olena K - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm hỗ trợ thanh toán khoản vay - Công ty T2 trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (S). (*Theo Giấy ủy quyền số 0183/2024/UQ-TGD ngày 21/03/2024 của Tổng giám đốc Công ty T2 trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2*).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đinh Minh T: Công ty L (P). Địa chỉ: Số G, khu tập thể Công ty T3, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T1, chức vụ: Giám đốc. (*Theo Giấy ủy quyền số 0264/2024/UQ-SHB FC ngày 05/05/2024*).

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L (P): Bà Lê Thị H, sinh năm 2000. Địa chỉ liên hệ: P209, Tòa nhà A, phố C, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền số 07/2024/UQ-KK-PDTQ ngày 16/05/2024). (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu P, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T2 (S) trình bày:

Ngày 15/6/2021, anh Hồ Văn Đ ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay với Công ty T2 (S), số hợp đồng 112106173007884. Theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay thì số tiền anh Đ đề nghị vay S số tiền là 70.000.000đ; Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng thiết bị gia đình; Thời hạn vay theo yêu cầu là 36 tháng; lãi suất cho vay tối đa là 3,6%/tháng (tương đương với lãi suất quy đổi là 43%/năm). Căn cứ vào Đề nghị vay vốn của anh Đ, Công ty T2 (S) đã phê duyệt cho anh Đ được vay tổng số tiền là 50.880.000đ bao gồm: Số tiền giải ngân cho khoản vay tiêu dùng 48.000.000đ và phí bảo hiểm là 2.880.000đ; Thời hạn vay được phê duyệt 36 tháng; ngày giải ngân là ngày 17/6/2021; lãi suất cho vay 43%/năm; khoản trả hàng tháng là 2.552.000đ; mục đích vay mua sắm. Sau khi được phê duyệt S đã giải ngân vào tài khoản 19036758444010, chủ tài khoản Ho Van D, ngân hàng T4 - Ngân hàng TMCP K1 số tiền 47.994.500đ.

Quá trình thực hiện cam kết theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay, anh Đ đã trả cho S số tiền gốc: 7.474.424đ; tiền lãi đã trả là: 15.383.421đ. Anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả gốc lãi từ ngày 17/4/2022. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Đ trả nợ nhưng anh Đ không thực hiện theo yêu cầu của S, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Hồ Văn Đ thanh toán cho S tổng số nợ tính đến hết ngày 06/01/2025 là: 119.642.378đ (trong đó: Nợ gốc: 43.405.576đ; Nợ lãi quá hạn: 10.170.119đ; Nợ lãi chậm trả: 66.066.683đ). Anh Hồ Văn Đ phải thanh toán cho SHB FINANCE các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Theo biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Văn Đ trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của S về việc anh có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay, số hợp đồng 112106173007884 ngày 15/6/2021 với S. Theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay thì số tiền anh Đ đề nghị vay là 70.000.000đ; Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng thiết bị gia đình; Thời hạn vay theo yêu cầu là 36 tháng; lãi suất cho vay tối

đa là 3,6%/tháng (tương đương với lãi suất quy đổi là 43%/năm). Căn cứ vào Đề nghị vay vốn của anh, S đã phê duyệt cho anh được vay tổng số tiền là 50.880.000đ bao gồm: Số tiền giải ngân cho khoản vay tiêu dùng 48.000.000đ và phí bảo hiểm là 2.880.000đ; Thời hạn vay được phê duyệt 36 tháng; ngày giải ngân là ngày 17/6/2021; lãi suất cho vay 43%/năm; khoản trả hàng tháng là 2.552.000đ; mục đích vay mua sắm. Sau khi được phê duyệt S đã giải ngân vào tài khoản 19036758444010, chủ tài khoản Ho Van D, ngân hàng T4 - Ngân hàng TMCP K1 số tiền 47.994.500đ. Quá trình thực hiện cam kết theo Đơn đề nghị anh Đ đã trả cho S số tiền gốc là: 7.474.424đ; tiền lãi đã trả là: 15.383.421đ.

Đến nay S khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/01/2025 là: 119.642.378đ (trong đó: Nợ gốc: 43.405.576đ; Nợ lãi quá hạn: 10.170.119đ; Nợ lãi chậm trả: 66.066.683đ), anh nhất trí với số tiền gốc, lãi nêu trên. Do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, anh đề nghị SHB FINANCE cho anh một thời gian để thu xếp số tiền để trả nợ cho S. Anh Đ xác định khoản vay trên là khoản vay của riêng anh không liên quan gì đến gia đình anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày. Bị đơn nhất trí với khoản vay gốc, lãi mà S yêu cầu thanh toán tính đến ngày xét xử, tuy nhiên đề nghị nguyên đơn cho bị đơn một thời gian để thu xếp tiền trả nợ.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 116, Điều 117, 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (S): Buộc anh Hồ Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 (S) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 119.642.378đ (trong đó: Nợ gốc: 43.405.576đ; Nợ lãi quá hạn: 10.170.119đ; Nợ lãi chậm trả: 66.066.683đ). Buộc anh Hồ Văn Đ thanh toán cho Công ty T2 (S) các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí: Anh Hồ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Hoàn trả Công ty T2 (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: S khởi kiện yêu cầu anh Hồ Văn Đ thanh toán khoản tiền còn nợ theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay đã ký kết giữa hai bên. Do vậy xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại khu P, phường T, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của S FINANCE:

[2.1]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: S khởi kiện yêu cầu anh Hồ Văn Đ phải thanh toán khoản tiền gốc, lãi theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay, số hợp đồng 112106173007884 ngày 15/6/2021. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi giao kết hợp đồng, phía S đã giải ngân cho anh Đ vào tài khoản 19036758444010, chủ tài khoản Ho Van D, ngân hàng T4 - Ngân hàng TMCP K1 số tiền 47.994.500đ và 2.880.000đ (là tiền mua bảo hiểm khoản vay).

Quá trình thực hiện cam kết theo Đơn đề nghị anh Đ đã trả cho S số tiền gốc là: 7.474.424đ; tiền lãi: 15.383.421đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh Hồ Văn Đ còn nợ lại S số tiền là: 119.642.378đ (trong đó: Nợ gốc: 43.405.576đ; Nợ lãi quá hạn: 10.170.119đ; Nợ lãi chậm trả: 66.066.683đ).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đ xác định có vay tiền của S và hiện nay còn nợ lại số tiền như người đại diện theo ủy quyền của S trình bày là đúng và xin thời gian thu xếp tiền trả nợ, tuy nhiên S không đồng ý với ý kiến của anh Đ về việc xin thời hạn trả nợ nêu trên. Xét thấy, anh Đ đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc lãi từ ngày 17/4/2022. S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Đ trả nợ nhưng anh Đ không thực hiện theo yêu cầu của S. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của S buộc anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho S toàn bộ số tiền gốc, lãi còn nợ lại nêu trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay số hợp đồng 112106173007884 ngày 15/6/2021 đã ký kết với S và Bản điều khoản điều kiện đính kèm đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của S được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Hồ Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (S):

Buộc anh Hồ Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 (S) tổng số tiền khoản vay theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay số hợp đồng 112106173007884 ngày 15/6/2021 là: 119.642.378đ (trong đó: Nợ gốc: 43.405.576đ; Nợ lãi quá hạn: 10.170.119đ; Nợ lãi chậm trả: 66.066.683đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Hồ Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng cho vay số hợp đồng 112106173007884 ngày 15/6/2021 đã ký kết với Công ty T2 và Bản điều khoản điều kiện đính kèm đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay.

2. Về án phí: Buộc anh Hồ Văn Đ phải chịu 5.982.119đ (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.174.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi tư ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (do bà Lê Thị H nộp thay) theo biên lai thu số 0000889 ngày 15 tháng 11 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu